

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HSST

Ngày: 29/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ - HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Vũ Thị Toan

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo: Vũ Văn N, sinh năm 1977 tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên; trú tại: Đội 6, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam ; con ông Vũ Công Đ và bà Nguyễn Thị N(đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Tr(đã ly hôn) và 01con sinh năm 2000; Tiền án 02: Bản án số 47/2010/HSST ngày 18/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 06/2015/HSST ngày 27/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự 01: Quyết định số 03/2018/QĐ-HC ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng; Về nhân thân: Ngày 09/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị tạm giam từ ngày 10/9/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “*có mặt tại phiên tòa*”.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1987 “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị A sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”;

- Anh Nguyễn Thái S sinh năm 1976, địa chỉ: Số nhà 423, đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”;

- Bà Vũ Thị T sinh năm 1968, địa chỉ: Đội 6, xã D, huyện T , tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”;

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Anh Lê Văn V sinh năm 1990, địa chỉ: Đội 6, xã D, huyện T , tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn N và Nguyễn Văn C quen biết chơi với nhau khi làm lái xe công ty vận tải H B trụ sở tại 74 đường L, phường L, thành phố H. Khoảng 9 giờ ngày 10/02/2018 N ngồi uống nước tại quán nước đối diện bãi xe công ty H B ở xã B K, thành phố H thì anh C điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89H1-04883 đi qua, N gọi anh C lại nhờ đi về nhà thì anh C đồng ý. Anh C điều khiển xe chở N đi qua cánh đồng thôn L, xã N thì gặp bà Nguyễn Thị Đ mẹ anh C đang dỡ khoai. Anh C dừng xe thì N hỏi mượn xe máy làm phương tiện đi lại, được anh C đồng ý N đi xe máy về nhà. Đến ngày 17/02/2018, khi N và anh C ngồi uống nước tại xã L P thì N tiếp tục hỏi mượn anh C đăng ký xe máy để đi lại cho thuận tiện, anh C đồng ý đưa N đăng ký xe mô tô. Do cần tiền tiêu sài ngày 19/02/2018 N đi xe máy đến hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Thái S ở phường A, thành phố H cầm cố xe và đăng ký được số tiền 7.000.000đ, thời hạn cầm cố 01 tháng. Hết hạn cầm cố không thấy N quay lại chuộc xe nên anh S đã bán xe mô tô cho một người đàn ông không rõ tên tuổi ở xã D N, huyện D , tỉnh Hà Nam với giá 7.500.000đ. Anh C sau khi cho N mượn xe và đăng ký, đã nhiều lần yêu cầu trả xe nhưng N cố tình trốn tránh không trả.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy đăng ký chủ sở hữu mang tên chị Nguyễn Thị A là em gái anh C . Do anh C không có xe đi lại nên chị A cho anh trai mượn xe. Ngày 06/5/2018 anh C và chị A có đơn trình báo gửi Công an huyện T giải quyết vụ việc theo pháp luật.

Sau khi sự việc xảy ra, Vũ Văn N đã nhờ chị gái tên Vũ Thị T đến gặp anh S tìm người mua xe để chuộc lại trao trả cho anh C . Khoảng tháng 7/2018 chị T đã chuộc lại chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89H1-04883 trả lại cho anh C và chị A .

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T sau khi điều tra, xác minh làm rõ sự việc đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt giam tạm giam đối với Vũ Văn N. Do N đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên, nên Giám đốc cơ sở ra Quyết định tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện để phục vụ điều tra vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐG ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Lữ kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89H1-04883 trị giá 9.000.000đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quản lý 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89H1-04883, số máy 5C64-748179, số khung 5C640CY748212 đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe máy số 004386 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/6/2012 mang tên Nguyễn Thị A. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của chị A nên ngày 21/8/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe và đăng ký xe cho chị A .

Về trách nhiệm dân sự: Chị A , anh C nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Chị Vũ Thị T bỏ tiền chuộc xe nhưng tự nguyện cho em trai, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả.

Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Văn N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 09/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ truy tố bị cáo Vũ Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai, tranh luận tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết vì tài sản đã được thu hồi trả lại chủ sở hữu, không ai yêu cầu về bồi thường thiệt hại. Về xử lý vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết xong nên không xem xét. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Vũ Văn N tự bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ xác định bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị A, bà Vũ Thị T, anh Nguyễn Thái S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra đề nghị xét xử hành vi phạm tội của bị cáo theo pháp luật và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại Nguyễn Văn C; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị A, Vũ Thị T, Nguyễn Thái S; lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Đ; kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐG ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Lữ xác định chiếc xe máy N mượn anh C đem đi cầm cố trị giá 9.000.000đ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 10/02/2018 tại Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên Vũ Văn N đã mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89H1-04883 của anh Nguyễn Văn C trị giá 9.000.000đ để đi lại, sau đó tự ý đem xe đi cầm cố được 7.000.000đ trong khi chưa được sự đồng ý của anh C, bị cáo đã tiêu xài hết số tiền cầm cố xe dẫn đến không có khả năng trả lại xe máy cho anh C. Bị cáo có 02 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lần phạm tội trước được xác định là tái phạm, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ truy tố hành vi phạm tội của bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma túy nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt không lấy đó là bài học để tu sửa bản thân, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo thành người có ích cho gia đình, xã hội, có ý

thức tuân thủ pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị đưa ra xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản, 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào vì lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm là yếu tố định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, đã tích cực tác động người thân khắc phục hậu quả bằng việc chuộc lại chiếc xe máy cầm cố để trả cho chủ sở hữu, có bố đẻ là ông Vũ Công Đ tham gia quân đội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ sẽ được HĐXX cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, nghề nghiệp tự do thu nhập thấp, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề liên quan đến tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Thái S cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ đã vi phạm điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Do hành vi của anh S xảy ra trên địa bàn phường A thành phố H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến Công an thành phố H xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông mua lại chiếc xe máy tại hiệu cầm đồ của anh S nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiếp tục xác minh, làm rõ nếu đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau là đúng quy định.

[6]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Chiếc xe máy bị cáo đem đi cầm cố đã được chị gái bà Vũ Thị T chuộc lại trả cho chủ sở hữu. Chị A, anh C nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Bà Vũ Thị T tự nguyện cho bị cáo số tiền 9.500.000đ bỏ ra chuộc xe, không yêu cầu phải hoàn trả. Xét việc bị hại, người liên quan không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 04 (*bốn*) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giam 10/9/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- Công an huyện T ;
- CA Trại tạm giam;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang